BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

DANH SÁCH HS-SV HỌC TIẾP

(Kèm theo quyết định số / QĐ-ĐHCN ngày ..... tháng ..... năm .....)

Khóa: ĐH K14 (2019-2023) **Lớp: 2019DHTTMT01** **Học kỳ:** 2

STT	Mã SV	Họ và tên		Điểm TBC Kỳ trước	Điểm TBC Kỳ hiện tại	Điểm TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy	SV Năm	Xếp hạng học lực	Ghi chú
1	2019606195	Phạm Thúy	An	2.50	2.75	2.57	30	1	BT	
2	2019601924	Đỗ Quang	Anh	1.25	1.86	1.78	23	1	Yếu	
3	2019604321	Phạm Thị Vân	Anh	3.13	3.54	3.25	28	1	BT	
4	2019607787	Vũ Văn Đức	Anh	0.67	1.00	1.58	12	1	Yếu	Học kỳ 1
5	2019601893	Nguyễn Ngọc	Ánh	2.33	2.89	2.63	26	1	BT	
6	2019605163	Phạm Văn	Bằng	0.63	1.46	1.47	19	1	Yếu	Học kỳ 1
7	2019604296	Nguyễn Văn	Bình	0.75	1.95	1.91	16	1	Yếu	Học kỳ 1
8	2019604852	Đào Ngọc	Cảnh	2.75	2.75	2.75	26	1	BT	
9	2019604826	Trịnh Văn	Chiến	0.88	1.61	1.65	20	1	Yếu	Học kỳ 1
10	2019604634	Nguyễn Thị Kim	Chung	1.08	1.93	1.82	22	1	Yếu	
11	2019603626	Nguyễn Bá	Chuyên	1.75	2.82	2.33	26	1	BT	
12	2019601096	Nguyễn Xuân	Cương	0.75	2.14	2.22	23	1	BT	Học kỳ 1
13	2019601560	Ngô Cao	Cường	3.04	2.79	2.86	28	1	BT	
14	2019603630	Đào Đình	Đại	1.00	1.32	1.62	25	1	Yếu	
15	2019605503	Nguyễn Thu	Dịu	1.96	1.82	1.86	28	1	Yếu	
16	2019601944	Nguyễn Quang	Đức	0.96	1.21	1.50	19	1	Yếu	
17	2019605149	Phạm Văn	Dũng	0.92	1.93	2.00	19	1	BT	
18	2019603529	Lê Thái	Dương	1.75	2.17	1.96	24	1	Yếu	
19	2019604989	Nguyễn Hữu Hoàng	Dương	1.46	1.50	1.66	25	1	Yếu	
20	2019603608	Phí Đức	Duy	1.04	1.32	1.78	23	1	Yếu	
21	2019605386	Nguyễn Thị	Duyên	1.25	1.54	1.83	20	1	Yếu	
22	2019604726	Lê Thị Thuỳ	Giang	0.96	2.39	2.39	22	1	BT	
23	2019605455	Hà Duy	Hiển	2.25	2.00	2.12	26	1	BT	
24	2019605497	Nguyễn Tô Tuấn	Hiệp	0.83	1.82	1.87	19	1	Yếu	
25	2019601376	Cao Trung	Hiếu	1.04	1.64	1.83	26	1	Yếu	
26	2019600813	Chu Quang	Hiếu	1.25	1.32	1.76	19	1	Yếu	
27	2019601772	Đặng Ngọc	Hiếu	0.63	1.54	1.83	26	1	Yếu	Học kỳ 1
28	2019605091	Nguyễn Trung	Hiếu	1.38	1.79	1.60	26	1	Yếu	
29	2019602396	Đào Quang	Hòa	1.79	2.32	2.08	26	1	BT	
30	2019601927	Nguyễn Thị Minh	Hòa	1.96	2.11	2.04	26	1	BT	
31	2019605388	Nguyễn Khắc Huy	Hoàng	1.63	2.36	2.02	26	1	BT	
32	2019602769	Trịnh Thị	Hương	2.67	3.46	3.10	26	1	BT	
33	2019602122	Đặng Ngọc	Huy	1.42	1.08	1.67	18	1	Yếu	
34	2019606259	Vũ Đình	Lăng	1.46	1.75	1.75	24	1	Yếu	
35	2019603240	Trần Quang	Linh	1.83	1.64	2.14	21	1	BT	

Vũ Thị Hạnh

STT	Mã SV	Họ và tên		Điểm TBC Kỳ trước	Điểm TBC Kỳ hiện tại	Điểm TBC Tích lũy	Tổng số TC tích lũy	SV Năm	Xếp hạng học lực	Ghi chú
36	2019601105	Đàm Thị	Loan	3.42	3.11	3.25	26	1	BT	
37	2019602925	Dương Duy	Long	2.54	2.32	2.42	26	1	BT	
38	2019607026	Trịnh Hoàng	Long	2.13	1.68	2.00	26	1	BT	
39	2019605179	Nhữ Văn	Lực	2.54	2.25	2.38	26	1	BT	
40	2019603321	Nguyễn Văn	Mạnh	1.63	1.61	2.00	21	1	BT	
41	2019601400	Dương Thành	Nam	1.67	1.11	1.54	23	1	Yếu	
42	2019602119	Nguyễn Thành	Nam	1.58	1.50	1.74	23	1	Yếu	
43	2019605767	Nguyễn Quỳnh	Ngân	1.83	1.61	1.71	26	1	Yếu	
44	2019601969	Phan Tuấn	Nghĩa	1.63	2.14	1.90	26	1	Yếu	
45	2019603361	Lê Như	Ngọc	2.00	1.79	1.88	26	1	Yếu	
46	2019603180	Phạm Năng	Phúc	2.50	2.75	2.63	26	1	BT	
47	2019604327	Vũ Huy	Phúc	1.13	1.25	1.60	21	1	Yếu	Học kỳ 1
48	2019600572	Trần Văn	Quân	2.25	1.97	2.46	23	1	BT	
49	2019602995	Mẫn Xuân	Sang	2.42	1.96	2.35	24	1	BT	
50	2019605967	Lê Trọng	Sáng	1.92	1.71	1.81	26	1	Yếu	
51	2019600754	Đinh Thái	Sơn	0.75	1.11	1.36	18	1	Yếu	Học kỳ 1
52	2019602386	Phạm Văn	Tài	1.25	1.00	1.75	20	1	Yếu	
53	2019600242	Lương Ngọc	Thanh	2.08	1.64	2.09	23	1	BT	
54	2019602243	Nguyễn Thị	Thảo	3.00	2.54	2.75	26	1	BT	
55	2019600574	Nguyễn Đức	Thuận	2.38	2.36	2.37	26	1	BT	
56	2019605340	Nguyễn Thị	Thuyết	1.42	1.96	1.88	26	1	Yếu	
57	2019602968	Trần Đình	Toàn	1.83	1.43	1.83	23	1	Yếu	
58	2019604018	Trần Nguyên	Toàn	2.04	2.11	2.08	26	1	BT	
59	2019603202	Nguyễn Đăng Huyề	Trang	2.25	1.43	2.04	23	1	BT	
60	2019605869	Vũ Đình	Trọng	1.50	1.54	1.72	23	1	Yếu	
61	2019604919	Lưu Công	Trường	2.25	1.50	1.85	26	1	Yếu	
62	2019602943	Thái Văn	Tuấn	1.13	1.11	1.81	16	1	Yếu	
63	2019605638	Lê Xuân	Tùng	2.33	1.14	2.20	20	1	BT	
64	2019603001	Nguyễn Công	Tuyền	2.63	2.21	2.40	26	1	BT	
65	2019605229	Bùi Hải	Vân	1.29	2.04	1.87	26	1	Yếu	

Số SV xếp hạng yếu: **35**

Số SV xếp hạng bình thường: **30**

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2020

Người duyệt

Người lập danh sách

Vũ Thị Hạnh